

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HSST

Ngày 07/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành.

Ông Phạm Đức Hoàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:

Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

- Bị cáo: Dương Kim T - Sinh ngày 16/10/1993 tại thôn SL, xã CC, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn SL, xã CC, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam con ông Dương Hùng N - (đã chết) và bà Bùi Thị B - Sinh năm 1955; vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không. Tiền án: 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 219/2012/HSST ngày 12/7/2012 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Dương Kim T đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 02/7/2016, nhưng chưa chấp hành phần dân sự và án phí. Bị tạm giữ từ ngày 04/11/2017 đến ngày 13/11/2017, được thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt phiên tòa.

- Bị cáo: Đinh Văn H - Sinh ngày 19/7/1996 tại thôn CQ, xã GT, huyện GV, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn CQ, xã Gt, huyện Gv, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam Chưa xác định được, con bà Đinh Thị D - Sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có. Tiền sự: Không. Tiền án: Không. Bị tạm giữ từ ngày 04/11/2017 đến ngày 13/11/2017, được thay đổi biên pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt phiên tòa.

Bị hại: Chị Bùi Thị L - Sinh năm 1971. (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn QT, xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 30/10/2017 Dương Kim T điều khiển xe mô tô Wave α mượn được của anh Q, người ở huyện HH, tỉnh Thanh Hóa chở Đình Văn H đi theo đường Hồ Chí Minh hướng từ huyện NL đi huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Khi đến địa phận thôn QT, xã QT, huyện NL, T và H nhìn thấy chiếc xe mô tô BKS 36B1 - 806.06 đang dựng ở gần đường Hồ Chí Minh. Khi đi qua vị trí để chiếc xe mô tô nói trên, Dương Kim T điều khiển xe mô tô quay lại rồi dừng xe cách vị trí để chiếc xe mô tô BKS 36B1 - 806.06 khoảng 05 mét. Lợi dụng không có ai trông coi và chìa khóa xe đang cắm ở ổ khóa điện, H đi lại chỗ chiếc xe, nổ máy xe rồi điều khiển chiếc xe lấy trộm được, còn T điều khiển xe Wave α cùng tẩu thoát về hướng huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Khi đến địa phận xã CS, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa, T và H đổi xe cho nhau, T đi chiếc xe vừa lấy trộm, còn H đi chiếc xe mô tô Wave α về quán karaoke Cây sữa ở xã CB, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Trước khi đi, T dặn H là nếu gặp Q thì trả chiếc xe mô tô Wave α cho anh Q giúp T. Sau đó T điều khiển chiếc xe mô tô BKS 36B1 - 806.06 về nhà mình ở thôn SL, xã CC, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa cất giấu. Trên đường đi, T đã làm rơi chiếc BKS 36B1 - 806.06 ở đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã CS, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 04/11/2017, H đến nhà T chơi, thấy chiếc xe lấy trộm được ngày 30/10/2017 không có biển kiểm soát đang để ở nhà T, nên T và H cùng bàn bạc và mang chiếc xe lấy trộm được đến Công an huyện NL giao nộp khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 07/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện NL, kết luận chiếc mô tô BKS 36B1 - 806.06 tại thời điểm có giá trị là 20.046.667 đồng. (Hai mươi triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Đối với vật chứng: Chiếc xe mô tô BKS 36B1 - 806.06, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị L ở thôn QT, xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Bị hại Bùi Thị L yêu cầu Dương Kim T và Đình Văn H phải bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng gồm: Chi phí sửa chữa xe mô tô và làm lại biển kiểm soát của xe. Dương Kim T và Đình Văn H mỗi người đã bồi thường số tiền 500.000 đồng, tổng bồi thường là 1.000.000 đồng. Bị hại Bùi Thị L tiếp tục yêu cầu T và H phải bồi thường số tiền còn lại là 4.000.000 đồng và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Dương Kim T và Đình Văn H.

Chiếc xe BKS 36B1 - 806.06, ngày 30/10/2017 T điều khiển đến khu vực đường Hồ chí Minh thuộc xã CS, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa làm rơi chiếc BKS 36B1 - 806.06, cơ quan CSĐT Công an huyện NL đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

Đối với chiếc xe mô tô Wave α mà Dương Kim T mượn của anh Q, người ở huyện HH để chở Đình Văn H thực hiện hành vi phạm tội ngày 30/10/2017 ở thôn QT, xã QT, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Do Dương Kim T và Đình Văn H không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của anh Q và không nhớ BKS xe mô tô

Wave α anh Q cho mượn nên cơ quan CSĐT Công an huyện NL không có cơ sở xác minh làm rõ.

Bản cáo trạng số 01 ngày 09/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện NL đã truy tố Dương Kim T và Đinh Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Dương Kim T và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đinh Văn H. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Dương Kim T mức án tù 15 đến 18 tháng tù và xử phạt bị cáo Đinh Văn H mức án tù 09 đến 12 tháng tù và buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị Bùi Thị L những chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của chị Bùi Thị Lý.

Tại phiên tòa người bị hại chị Bùi Thị L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền sửa xe và tìm xe là 5.000.000đ, các bị cáo đã bồi thường 1.000.000đ, số tiền còn lại 4.000.000đ chị L yêu cầu các bị cáo tiếp tục phải bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với các bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung bản cáo trạng đã nêu, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/10/2017 Dương Kim T và Đinh Văn H, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 36B1 - 806.06 của chị Bùi Thị L giá trị là 20.046.667đ (Hai mươi triệu, không trăm bốn sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Dương Kim T và Đinh Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Về tính chất vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo trong vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Để giữ nghiêm pháp luật và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, cần phải lên cho các bị cáo mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của từng bị cáo gây ra. Các bị cáo phạm tội không có sự phân công cấu kết chặt chẽ với nhau, nên trường hợp phạm tội của các bị cáo, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, mà mang tính chất đồng phạm giản đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Các bị cáo cùng rủ nhau trộm cắp, T sử dụng xe mô tô chở H và khi phát hiện tài sản thì T dừng lại và đứng canh giới cho H nổ máy, cùng nhau mang xe

mô tô về huyện CT, do đó T và H có vai trò ngang nhau. Dương Kim T đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, Đinh Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên mức án của H sẽ thấp hơn Dương Kim T là phù hợp với quy định tại Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Đối với bị cáo Dương Kim T đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích, bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Dương Kim T và Đinh Văn H sau khi thực hiện hành vi trộm cắp chưa bị phát hiện, đã mang tài sản trộm cắp được đến công an huyện NL tự thú, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 1.000.000đ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên cả 02 bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với bị cáo Đinh Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Dương Kim T có nhân thân xấu, bị cáo Đinh Văn H chưa có tiền án, tiền sự, nhưng trong thời gian được tại ngoại, bị cáo đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, bị cáo không chấp hành vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, Hội đồng xét xử đã phải ra quyết định áp giải bị cáo đến phiên tòa, điều đó cho thấy bị cáo không có khả năng tự cải tạo, nên phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình xã hội.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Bùi Thị L đã nhận lại tài sản và yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đ, các bị cáo đã bồi thường 1.000.000đ, tại phiên tòa các bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền 4.000.000đ, nên mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[5]. Về vật chứng: Xe mô tô BKS: 36B1 - 806.06 cơ quan Công an đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Bùi Thị L phù hợp với quy định pháp luật.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng và quyền, nghĩa vụ của Điều tra viên và Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138; các điểm b, p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đối với bị cáo Dương Kim T.

Xử phạt: Bị cáo Dương Kim T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ đi 09 (Chín) ngày bị tạm giữ, kể từ ngày 04/11/2017 đến ngày 13/11/2017.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p, o khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đối với bị cáo Đinh Văn H.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn H 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án và được trừ đi 09 (Chín) ngày bị tạm giữ, kể từ ngày 04/11/2017 đến ngày 13/11/2017.

Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và các Điều 584; 585; 586; 589; 357 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Dương Kim T và Đinh Văn H phải bồi thường cho chị Bùi Thị L số tiền là 5.000.000đ. Chấp nhận các bị cáo đã bồi thường được 1.000.000đ, số tiền còn lại 4.000.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Bùi Thị L là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày chị Bùi Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo Dương Kim T và Đinh Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 6 điểm a và c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Kim T và bị cáo Đinh Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Dương Kim T và bị cáo Đinh Văn H, mỗi bị cáo phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Dương Kim T, Đinh Văn H và người bị hại Bùi Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 07/3/2018.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- THA hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh